

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2021/HS-ST

Ngày 08 - 7 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Huy Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim T3, ông Nguyễn Văn Khiển.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: bà Lò Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 127/2021/TLST- HS ngày 24 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 207/2021/QĐXXST-HS ngày 21/6/2021 đối với các bị cáo:

1. Quàng Văn K, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1962, tại T, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: P, T1, T, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 4/10; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: không; con ông Quàng Văn G (đã chết) và bà Quàng Thị D (D1); bị cáo có vợ là Lương Thị T2 và có 05 con; con lớn nhất sinh năm 1984, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Quàng Văn K đã bị kết án 03 lần (*Năm 1984 bị Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xử 05 tháng tù (án treo) về tội tàng trữ trái phép chất ma túy; Năm 2004 bị Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xử 07 năm tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy; Năm 2015 bị Tòa án nhân dân T tỉnh Sơn La xử 30 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy*); Năm 2013-2014 đi cai nghiện tập trung tại Trung tâm giáo dục - lao động T;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/8/2020 đến nay. Có mặt.

2. Tòng Văn M (tên gọi khác: Tòng Văn L), sinh ngày 27 tháng 11 năm 1998, tại huyện M1, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản H, xã M2, huyện M1, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Tòng Văn T và bà Tòng Thị L (là bị cáo trong vụ án); bị cáo có vợ là Lương Thị H (đã ly hôn) và có 02 con; con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh

năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/8/2020 đến nay. Có mặt.

3. Tòng Thị L (tên gọi khác: Lò Thị L, Tòng Thị L1), sinh ngày 08 tháng 3 năm 1976, tại T, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản H, xã M2, huyện M1, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Lò Văn C và bà Lò Thị C1 (đều đã chết); bị cáo có chồng là Tòng Văn T2 và có 03 con; con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/01/2021 đến nay. Có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Quàng Văn K và Tòng Thị L:* Ông Nguyễn Bá Linh - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Sơn La (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Tòng Văn M:* Ông Lò Văn Phan - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sơn La (có mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Tòng Văn T2, sinh năm 1974, trú tại bản H, xã M2, huyện M1, tỉnh Sơn La (có mặt).

+ Bà Lương Thị T3, sinh năm 1979, trú tại P, T1, T, tỉnh Sơn La (có mặt).

- *Người phiên dịch:*

+ Anh Lương Văn Lâm, sinh năm 2002. Trú tại: Thôn 7, xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La (có mặt).

+ Chị Quàng Hồng Nết, sinh năm 1988. Trú tại: Bản Giảng, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 19h ngày 06/8/2020, tổ công tác Công an xã M2, Công an huyện M1 làm nhiệm vụ tại khu vực bản Văn Minh, xã M2, huyện M1 phát hiện và bắt quả tang Quàng Văn K trú tại T1, T và Tòng Văn M trú tại xã M2, huyện M1 đang có hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Vật chứng thu giữ: 01 túi nilon màu hồng bên trong chứa 195 viên nén màu hồng nghi là Methamphetamine, 01 gói nilon màu trắng bên trong chứa cục bột màu trắng nghi là Heroine. Ngoài ra còn tạm giữ của Quàng Văn K: 01 xe máy nhãn hiệu ESPERO BKS 26AA-034.23, 01 điện thoại di động hiệu ITTEL; tạm giữ của Tòng Văn M: 01 xe máy hiệu HONDA loại DREAM BKS 29H4-8037, số tiền 4.000.000đ, 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG.

Mở rộng điều tra, ngày 07/01/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Sơn La đã bắt người đang bị truy nã đối với Tòng Thị L. Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO và 47.050.000đ.

Ngày 07/8/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M1, tỉnh Sơn La thành lập Hội đồng mở niêm phong, cân tịnh xác định khối lượng, lấy mẫu trung cầu giám định:

- 01 túi nilon màu hồng bên trong có 195 viên nén màu hồng có khối lượng 19,53gam; trích lấy 05 viên có khối lượng 0,51gam làm mẫu trung cầu giám định, ký hiệu KM1.

- 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa chất cục bột màu trắng có khối lượng 31,23gam; trích 1,06gam làm mẫu trung cầu giám định, ký hiệu KM2.

Tại Kết L giám định số: 1294 ngày 10/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết L:

“Mẫu gửi giám định ký hiệu KM1 là ma túy, loại Methamphetamine; khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,51gam.

Mẫu gửi giám định ký hiệu KM2 là ma túy; Loại Heroine; khối lượng của mẫu gửi giám định là 1,06gam.

Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 19,53 gam; loại Methamphetamine và 31,23gam loại Heroine.”

Quá trình điều tra bị cáo Quảng Văn K, Tòng Văn M, Tòng Thị L khai nhận:

Kg đầu tháng 7/2020, Tòng Văn M điều khiển xe máy BKS 29H4-8037 đi từ nhà tại bản H, xã M2 ra khu vực ngã ba M2 tìm mua ma túy về sử dụng. M gặp Tòng Thị Mai trú tại bản Hua Bó, xã M2, huyện M1, M hỏi Mai chỗ bán ma túy, Mai bảo M điều khiển xe chở Mai đến nhà Quảng Văn K ở P, T1, T. M đưa cho K 200.000đ để mua ma túy, K cầm tiền đi đến bản Nong Cại, T1, T mua được của một người T3 niên không quen biết ở ven đường 01 gói Heroine đem về nhà rồi cùng M, Mai sử dụng hết số ma túy mua được. Sau khi sử dụng ma túy, M đặt vấn đề hỏi mua 01 cây Heroine, K nói giá 23.000.000đ/01 cây Heroine, khi nào có tiền thì giao ma túy. M đồng ý và cùng Mai đi về. K và M cho nhau số điện thoại để liên lạc.

Kg giữa tháng 7/2020, M gọi điện hỏi mua ma túy và bảo K mang ma túy sang bản H, xã M2, huyện M1 cho M, nhưng K nói không tin M và bảo phải được nói chuyện với người lớn mới đồng ý bán ma túy cho M, do vậy M nói với Tòng Thị L (mẹ đẻ của M) nội dung đã trao đổi về việc mua bán ma túy với K và bảo L đi cùng lên nhà K để tạo niềm tin với K, L nhất trí. Kg 2-3 ngày sau, M điều khiển xe máy chở L lên nhà K. Tại nhà K, M đặt vấn đề mua ma túy, K hỏi M có tiền không, M nói bây giờ chưa có tiền, về bán trâu sẽ có, lúc đó L đi đến ngồi cạnh K và M, L nói với K khi nào M cầm tiền lên mua ma túy thì bán và mang ma túy về M1 cho M, K nhất trí. Sau đó M điều khiển xe máy chở L về nhà.

Sau đó, M bán hoa quả được 23.000.000đ, M gọi điện cho K đặt mua 01 cây Heroine với giá như đã trao đổi từ trước. K bảo M cầm tiền lên nhà thì sẽ giao ma túy. M điều khiển xe máy lên nhà K đưa cho K 20.000.000đ và bảo khi

nào K mang ma túy đến nhà M thì đưa nốt tiền. Đưa tiền xong M đi về, còn K đi đến bản Thôm, T1 gặp và mua được của một người đàn ông dân tộc Mông không quen biết 01 cây Heroine với giá 18.000.000đ, chiều cùng ngày, K điều khiển xe moto BKS 26AA-034.23 đi từ nhà K đến nhà Tòng Thị L giao cho M 01 cây Heroine tại gầm sàn nhà của L. Việc giao nhận này L không biết. Sau đó về ngủ lại nhà M. Sáng hôm sau, M trả K 2.500.000đ (do K đồng ý bớt cho M 500.000đ). Số ma túy trên M đã chia nhỏ bán cho các đối tượng Cà Văn L trú tại bản Buôi, xã Tạ Bú, huyện M1 01 phân Heroine với số tiền 400.000đ; Lò Văn Nước trú tại bản Nà Lốp, thị trấn Ít Ong, huyện M1 01 chỉ với số tiền 2.000.000đ; Hoàng Văn Tâm trú tại bản Ten, xã Pi Toong, huyện M1 02 chỉ với số tiền 4.000.000đ và trả tiền công cho vợ chồng người dân tộc Mông làm vườn thuê cho M (không biết tên, địa chỉ cụ thể), số ma túy còn lại M sử dụng hết.

Ngày 03/8/2021, M bảo L bán hộ 01 con trâu, L đồng ý và bán được 22.000.000đ. Sáng ngày 06/8/2020, M sang nhà L. Tại đây M gọi điện cho K đặt mua 01 cây Heroine và bảo K mang xuống nhà cho M, K không đồng ý. M đưa điện thoại cho L để L nói chuyện với K, sau khi nói chuyện L thông báo với M K không đồng ý mang ma túy xuống nhà cho M và bảo M phải mang tiền lên nhà K, trả tiền trước thì K mới bán ma túy cho, M đã lấy số tiền bán trâu từ L để đi mua ma túy, sau đó M điều khiển xe máy lên nhà K đưa cho K số tiền 20.000.000đ (K không đếm lại) và nói khi nào K giao ma túy sẽ trả nốt tiền, K cầm tiền đi vào bản Thôm, T1, T mua ma túy, trên đường đi K gặp 02 người đàn ông dân tộc Mông (không rõ tên, địa chỉ) K hỏi mua 20.000.000đ Heroine và đưa tiền cho một trong hai người đàn ông đếm thì chỉ có 19.400.000đ và đã đưa cho K 01 gói Heroine, 01 túi Hồng phiến. Mua được ma túy K mang ma túy về nhà, trích một ít ra cùng M sử dụng. Sử dụng xong ma túy, K lấy số ma túy mua được cất giấu vào hộp đèn chiếu sáng xe máy của K rồi cùng M điều khiển xe máy (mỗi người đi 01 xe) đi về nhà M ở M1, khi đi đến khu vực bản Văn Minh, xã M2, huyện M1 thì bị tổ công tác Công an huyện M1 phát hiện bắt quả tang và thu giữ vật chứng.

Tại Cáo trạng số: 65/CT-VKS-P1 ngày 19/5/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố Quàng Văn K, Tòng Văn M, Tòng Thị L về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà: Các bị cáo Quàng Văn K, Tòng Văn M, Tòng Thị L khai hành vi phạm tội như đã khai tại cơ quan điều tra. Các bị cáo không khai thêm nội dung gì khác liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Bị cáo M, L đề nghị Hội đồng xét xử trả lại số tiền bị thu giữ và chiếc xe máy cho gia đình. Bị cáo K trình bày gia đình có hoàn cảnh khó khăn, có khả năng thi hành tiền án phí nhưng không có khả năng nộp tiền phạt nên đề nghị Hội đồng xét xử không phạt tiền đối với bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tòng Văn T2 trình bày: Số tiền 47.050.000đ thu giữ khi khám xét gia đình ông là tiền bán nông sản của gia đình do bị cáo L quản lý. Chiếc xe máy thu giữ của M cũng là xe của vợ chồng

ông T2, M sử dụng xe để phạm tội ông T2 không biết. Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại tiền và chiếc xe máy đang bị thu giữ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lường Thị T3 trình bày: bà T3 kết hôn với bị cáo Quảng Văn K năm 2017, chiếc xe máy bị thu giữ là tài sản của K có trước khi kết hôn với bà T3. Do điều kiện gia đình khó khăn, con còn nhỏ nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe cho gia đình bà.

Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố đối với cả 3 bị cáo, đã L tội và đề nghị: Tuyên bố bị cáo Quảng Văn K, Tòng Văn M, Tòng Thị L phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Căn cứ điểm h K 3 Điều 251; điểm r, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Tòng Văn M 17 đến 18 năm tù.

Căn cứ điểm h khoản 3 Điều 251; điểm r, s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Quảng Văn K 17 đến 18 năm tù.

Căn cứ điểm h khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Tòng Thị L 16 đến 17 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với cả 3 bị cáo.

Về vật chứng đề nghị: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 19,02gam Methamphetamine và 30,17gam Heroine còn lại sau khi lấy mẫu gửi giám định.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 02 chiếc điện thoại thu giữ của K và M, 01 xe máy màu thu giữ của M, 01 xe máy nhãn hiệu DETECH thu giữ của K và số tiền 4.000.000đ thu giữ của Tòng Văn M.

- Trả lại bị cáo Tòng Thị L: 01 điện thoại di động.

- Trả ông Tòng Văn T2 số tiền 47.050.000đ

Quan điểm của Luật sư Nguyễn Bá Linh bào chữa cho bị cáo Quảng Văn K và Tòng Thị L: Nhất trí với Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, sau khi bị bắt trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, các bị cáo là người dân tộc thiểu số trong đó bị cáo L không biết chữ hiểu biết pháp luật hạn chế, bị cáo Quảng Văn K đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra khai ra đồng phạm và hành vi phạm tội trước đó. Bị cáo Tòng Thị L phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức, bị cáo có chồng được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm r, s, t K 1 Điều 51, Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo K 15-16 năm tù. Áp

dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo L 14-15 năm tù. Các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên luật sư đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo. Nhất trí đề nghị của Viện kiểm sát về việc xem xét trả lại tiền cho gia đình bị cáo L. Đề nghị trả lại chiếc xe cho gia đình bị cáo K.

Quan điểm của Luật sư Lò Văn Phanb bảo chữa cho bị cáo Tòng Văn M: Nhất trí với Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, sau khi bị bắt trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo là người dân tộc thiểu số hiểu biết pháp luật còn hạn chế, bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra khai ra hành vi phạm tội của Tòng Thị L và hành vi phạm tội trước đó. Bị cáo có bố được Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La tặng bằng khen và ông nội được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba, Luật sư đề nghị: Hội đồng xét xử áp dụng điểm r, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự xem xét xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt. Đối với chiếc xe máy đề nghị trả lại cho gia đình bị cáo.

- Các bị cáo Quảng Văn K, Tòng Văn M, Tòng Thị L nhận tội và nhất trí với quan điểm bào chữa của Luật sư, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M1, Công an tỉnh Sơn La, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện M1, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Luật sư, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Xét lời khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra là đồng nhất, đã thể hiện: Trong Kg thời gian từ tháng 7/2020 đến tháng 8/2020, các bị cáo Quảng Văn K, Tòng Văn M, Tòng Thị L đã hai lần thực hiện hành vi mua bán trái phép 19,53 gam Methamphetamine và 68,73gam Heroine (Tổng cộng 88,26gam). Tòng Văn M là người đặt mua ma túy với Quảng Văn K; Tòng Thị L đã trợ giúp M trong việc gặp K trao đổi để K tin tưởng bán ma túy cho M; Tòng Văn K đã trực tiếp tìm mua ma túy bán cho Tòng Văn M giá cao hơn để hưởng lợi và trực tiếp cất giấu ma túy vận chuyển đến nhà M để giao cho M.

Lời khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 06/8/2020 đối với Quàng Văn K, Tòng Văn M; Biên bản bắt người đang bị truy nã ngày 07/01/2021 đối với Tòng Thị L; Biên bản mở niêm phong, cân tịnh xác định khối lượng, lấy mẫu trưng cầu giám định ngày 07/8/2020, đối với vật chứng nghi là ma túy thu giữ trong vụ án; Kết L giám định số 1294 ngày 10/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết L về chất ma túy.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, phù hợp với nhau, phù hợp với các chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Từ các chứng cứ chứng minh nêu trên, kết L bị cáo Quàng Văn K, Tòng Văn M, Tòng Thị L đã phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại K 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt tù từ 15 năm đến 20 năm.

Do đó, Cáo trạng số 65/CT - VKS - P2 ngày 19/5/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố Quàng Văn K, Tòng Văn M, Tòng Thị L về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá về tính chất, mức độ phạm tội và vai trò của các bị cáo:

Bị cáo Quàng Văn K, Tòng Văn M, Tòng Thị L là người có đủ năng lực hành vi, nhận thức được việc mua bán ma túy là vi phạm pháp luật nhưng đã cố ý thực hiện việc mua bán 19,53 gam Methamphetamine và 68,73gam Heroine (tổng cộng 88,26gam) nhằm mục đích kiếm lời. Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các tội phạm khác và gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

Bị cáo Quàng Văn K, sau khi được M đặt mua ma túy đã trực tiếp tìm mua ma túy bán lại cho M nên có vị trí độc lập, do đó không áp dụng Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên. Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, có nhân thân xấu đã từng 03 lần bị kết án về tội ma túy, bị cáo không lấy đó làm bài học tu dưỡng rèn luyện bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội, nên cần xử phạt mức hình phạt nghiêm khắc hơn bị cáo khác, mới đảm bảo việc cải tạo, giáo dục đối bị cáo.

Tòng Văn M là người đặt mua ma túy với bị cáo K và lôi kéo Tòng Thị L tham gia tội phạm, do đó có vai trò chính trong vụ án.

Tòng Thị L tuy không trực tiếp tham gia mua bán trái phép chất ma túy nhưng đã giúp M bằng cách dùng uy tín của bản thân để nói chuyện, trao đổi tạo niềm tin với K để K đồng ý bán ma túy cho M, L còn giúp M bán trâu để có tiền mua ma túy. Do đó Tòng Thị L phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức cho Tòng Văn M trong cả hai lần mua ma túy.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Quảng Văn K, Tùng Văn M, Tùng Thị L đã hai lần mua bán trái phép chất ma túy, vi phạm tình tiết “*phạm tội hai lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, cả 3 bị cáo đều thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, khai ra hành vi mua bán ma túy trước đó nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra trong quá trình điều tra, bị cáo Quảng Văn K và Tùng Văn M đã tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra khai ra hành vi phạm tội của Tùng Thị L nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Tùng Văn M và Tùng Thị L có người thân (bố, chồng, ông) có thành tích được tặng Bằng khen và Huân chương kháng chiến hạng ba, do đó bị cáo Tùng Văn M và Tùng Thị L được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Tùng Thị L tham gia phạm tội với vai trò đồng phạm thứ yếu nên khi lượng hình phạt được áp dụng Điều 58 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Kết quả điều tra và tại phiên tòa xác định được các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, thu nhập chính từ trồng trọt chăn nuôi, trong đó bị cáo K và M không có điều kiện thi hành hình phạt bổ sung nên không áp dụng. Đối với Tùng Thị L, Quá trình điều tra đã thu giữ số tiền 47.050.000đ là tài sản chung của bị cáo và ông Tùng Văn T2 xét có khả năng thi hành hình phạt bổ sung nên cần xử phạt bị cáo mức phạt 20 triệu đồng.

[6] Đối với những đối tượng liên quan đến vụ án:

Về nguồn gốc 19,53 gam Methamphetamine và 31,23 gam Heroine thu giữ trong vụ án và 01 cây Heroine (tương đương 37,5gam) K, M đã mua bán trót lọt trước đó, K khai mua của một người đàn ông dân tộc Mông không quen biết ở khu vực đường dân sinh bản thôn, T1, T, do vậy Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh điều tra.

Đối với Tùng Thị Mai trú tại bản Hua Bó, xã M2, huyện M1: quá trình điều tra Mai thừa nhận được dẫn Tùng Văn M lên nhà K mua 200.000đ Heroine và cùng M, K sử dụng tại nhà K. Lời khai của Mai phù hợp với lời khai của K và M. Tuy nhiên số ma túy trên đã sử dụng hết. Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy không cấu thành tội phạm, do vậy việc cơ quan điều tra ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy đối với Tùng Thị Mai là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Đối với các đối tượng Cà Văn Luân trú tại bản Buôi, xã Tạ Bú, huyện M1, tỉnh Sơn La; Lò Văn Nước trú tại bản Nà Lốp, thị trấn Ít Ong, huyện M1 và Hoàng Văn Tâm trú tại bản Ten, xã Pi Toong, huyện M1, Tùng Văn M khai đã mua ma túy của M. Quá trình điều tra xác định Cà Văn Luân, Lò Văn Nước, Hoàng Văn Tâm là đối tượng nghiện ma túy, thường xuyên lang thang không có mặt tại địa phương. Chính quyền địa phương và gia đình không biết đang ở đâu. Do đó cơ quan điều tra tiếp tục xác minh điều tra khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với hai vợ chồng người Mông làm vườn thuê cho M, được M trả công bằng Heroine. Tòng Văn M khai không biết họ tên, địa chỉ cụ thể, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh làm rõ việc liên quan của hai người này.

[7] Về xử lý vật chứng, tài sản:

Đối với 19,02gam Methamphetamine và 30,17gam Heroine còn lại sau khi lấy mẫu gửi giám định, là loại chất ma túy Nhà nước cấm L hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu DETECH loại xe SUPER DREAM màu nâu biển kiểm soát 26AA-034.23 và chiếc xe mô tô nhãn hiệu DREAM màu nâu có biển kiểm soát 29H4-8037 thu giữ của Quảng Văn K và Tòng Văn M, các bị cáo sử dụng để vận chuyển mua bán ma túy, xét là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu nộp Ngân sách nhà nước.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAM SUNG màu đen và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ITEL màu đen thu giữ của Quảng Văn K và Tòng Văn M, xét đây là công cụ phương tiện các bị cáo sử dụng để liên lạc trong quá trình mua bán ma túy nên cần tịch thu nộp Ngân sách nhà nước.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh đen thu giữ của Tòng Thị L, xét không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho bị cáo.

Đối với số tiền 4.000.000đ thu giữ của Tòng Văn M, là số tiền bị cáo sử dụng vào mục đích mua ma túy của Quảng Văn K nên cần tịch thu nộp Ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 47.050.000đ thu giữ khi khám xét nơi ở của Tòng Thị L, xét thấy số tiền này là tiền của gia đình bị cáo L tích góp do bán nông sản mà có, bị cáo L chỉ là người quản lý số tiền trên, do đó cần trả lại cho anh Tòng Văn T2 là chồng bị cáo L quản lý.

[8] Về án phí: Buộc các bị cáo Quảng Văn K, Tòng Văn M, Tòng Thị L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố các bị cáo: Quảng Văn K, Tòng Văn M (tên gọi khác: Tòng Văn L), Tòng Thị L (tên gọi khác: Lò Thị L, Tòng Thị Luân) phạm tội: Mua bán trái phép chất ma túy.

- Căn cứ điểm h khoản 3 Điều 251; điểm r, s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Quảng Văn K 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 06/8/2020; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Căn cứ điểm h khoản 3 Điều 251; điểm r, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Tòng Văn M 17 (mười

bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 06/8/2020; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Căn cứ điểm h khoản 3 Điều 251; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Tòng Thị L 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 07/01/2021.

Phạt tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

2. Về vật chứng, tài sản: Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

2.1. Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì vật chứng còn nguyên niêm phong, bên trong có tổng khối lượng 19,02 gam Methamphetamine; 30,17gam Heroine; 01 túi nilon màu hồng ký hiệu chữ “A”; 02 mảnh nilon màu trắng gói ban đầu.

2.2. Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu DETECH loại xe SUPER DREAM màu nâu, có biển kiểm soát 26AA-034.23, xe có số máy: VDEJQ139FMB604720; số khung RPEKCB4PEGA604720, đèn xi nhan 2 bên phía trước bị vỡ, toàn thân xe bị xước nhiều vị trí, có 02 gương chiếu hậu, không có chìa khóa xe, xe đã qua sử dụng. Thu giữ của Quảng Văn K.

- 01 (một) chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu HONDA loại xe DREAM màu nâu, có biển kiểm soát 29H4-8037, xe có số máy HA05E-0004494; số khung: RLHHAG606WY004880, xe có 01 gương chiếu hậu bên trái, hai tay cầm lái màu xanh đen, yên xe có hai vết rách, toàn thân xe bị xước nhiều vị trí, xe không có chìa khóa xe, xe đã qua sử dụng. Thu giữ của Tòng Văn M.

- 01 (một) chiếc điện thoại SAMSUNG màu đen, điện thoại cảm ứng, số seri 033036, điện thoại đã qua sử dụng đựng trong 01 chiếc phong bì vật chứng còn nguyên niêm phong. Thu giữ của Tòng Văn M.

- 01 (một) chiếc điện thoại ITEL màu đen, số seri 033035, điện thoại đã qua sử dụng được đựng trong 01 chiếc phong bì vật chứng còn nguyên niêm phong. Thu giữ của Quảng Văn K.

- Số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng) được đựng trong một phong bì vật chứng còn nguyên niêm phong. Thu giữ của Tòng Văn M.

2.3. Trả lại cho bị cáo Tòng Thị L 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh đen (điện thoại cảm ứng) đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Tòng Thị L và ông Tòng Văn T2 số tiền 47.050.000đ (bốn mươi bảy triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) được đựng trong một chiếc phong bì vật chứng còn nguyên niêm phong.

(Số lượng, khối lượng, đặc điểm, tình trạng vật chứng, tài sản: Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13/5/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La và Cục thi hành án dân sự tỉnh Sơn La).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Quàng Văn K, Tòng Văn M, Tòng Thị L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 08/7/2021).

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Phòng PC04 - Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Bị cáo; Luật sư;
- Người có QLNVLQ;
- Phòng KTNV- THA;
- L HS-AV

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đinh Huy Hiệp